

Số: 618/ĐA-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **Quan hệ công chúng**; Mã số: **8320108**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Chính quy**

Kính gửi: Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính
Thành phố Hồ Chí Minh,

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (UEF) được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. UEF theo đuổi mục tiêu là đại học hàng đầu Việt Nam và hướng tới chuẩn mực đào tạo Quốc tế gắn liền triết lý Chất lượng - Hiệu quả - Hội nhập.

Với mục tiêu nhất quán, UEF hướng tới tiêu chuẩn giáo dục đại học kết hợp tinh hoa giáo dục đại học Quốc tế cùng chuyên môn kinh tế trong bối cảnh hội nhập, đào tạo chuyên sâu về Kinh tế, tài chính đáp ứng nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao của xã hội. Trụ sở đào tạo tọa lạc tại số 141 - 145 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM. Với vị trí thuận lợi ở khu vực trung tâm thành phố, hệ thống học tập tiện nghi, phòng học được thiết kế khoa học và được trang bị các thiết bị dạy, học hiện đại như máy lạnh, máy chiếu, hệ thống mạng wireless, hệ thống âm thanh, ánh sáng phù hợp giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

Trung tâm Thư viện của Trường có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, bao gồm nguồn tài liệu giấy và đặc biệt là nguồn tài liệu điện tử. Số đầu sách tại Trung tâm Thư viện luôn đảm bảo yêu cầu cho các chuyên ngành đào tạo. Nguồn tài liệu được chọn lọc kỹ về nội dung theo yêu cầu của giảng viên và sinh viên, đảm bảo tính mới, bao quát nội dung chương trình đào tạo, đáp ứng đủ cho sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại UEF.

Ngoài ra, UEF đang triển khai dự án tại Khu Nam Sài Gòn có diện tích 5.5 ha với chiến lược xây dựng thành khu học xá phức hợp hiện đại tại Tp.HCM. Bên cạnh đó, UEF có những mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục và trường đại học trên thế giới. Trường đã thiết lập được quan hệ và liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài như Đại học Gloucestershire - UoG (Vương quốc Anh), Đại học Leeds Trinity - LTU (Vương quốc Anh), Đại học Bangkok - BU (Thái Lan), Đại học Keuka - KC (Hoa Kỳ).

Qua những mối quan hệ hợp tác đó, nhiều giảng viên cũng hưởng được học bổng và sang thực tập tại trường bạn.

Xác định hướng đi mang tầm chiến lược kết hợp cùng thành quả UEF đạt được hơn 15 năm qua, phần nào đã đưa thương hiệu đào tạo của nhà trường đứng vững trong phân khúc đào tạo nhân lực chuẩn quốc tế tại Việt Nam, mang đến sự tin tưởng tuyệt đối trong lòng thí sinh và phụ huynh cả nước. Đội ngũ cán bộ khoa học có tâm huyết và uy tín khoa học cao đã và đang tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng các chương trình giảng dạy tiên tiến, kết hợp với nội dung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1. Tổ chức bộ máy của Trường

Ban lãnh đạo gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu

Về khối hành chính có 11 đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng Trường (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Trung tâm Quản lý Công nghệ thông tin, Ban thanh tra).

- Phòng Tài chính

- Phòng Quản trị

- Phòng Khảo thí

- Phòng Đào tạo (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Hỗ trợ học vụ, Trung tâm Đào tạo và thiết kế dự án, Trung tâm Lý luận Chính trị, Thư viện)

- Trung tâm Bảo đảm chất lượng và Dự án quốc tế

- Trung tâm vấn tuyển sinh

- Trung tâm Thông tin - Truyền thông

- Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp

- Tạp chí Phát triển và Hội nhập

- Phòng Công tác sinh viên (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Kết nối cộng đồng)

Về Khối đào tạo có 14 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

- Khoa Kinh tế

- Khoa Quản trị kinh doanh

- Khoa Marketing

- Khoa Tài chính - Thương mại

- Khoa Tiếng Anh

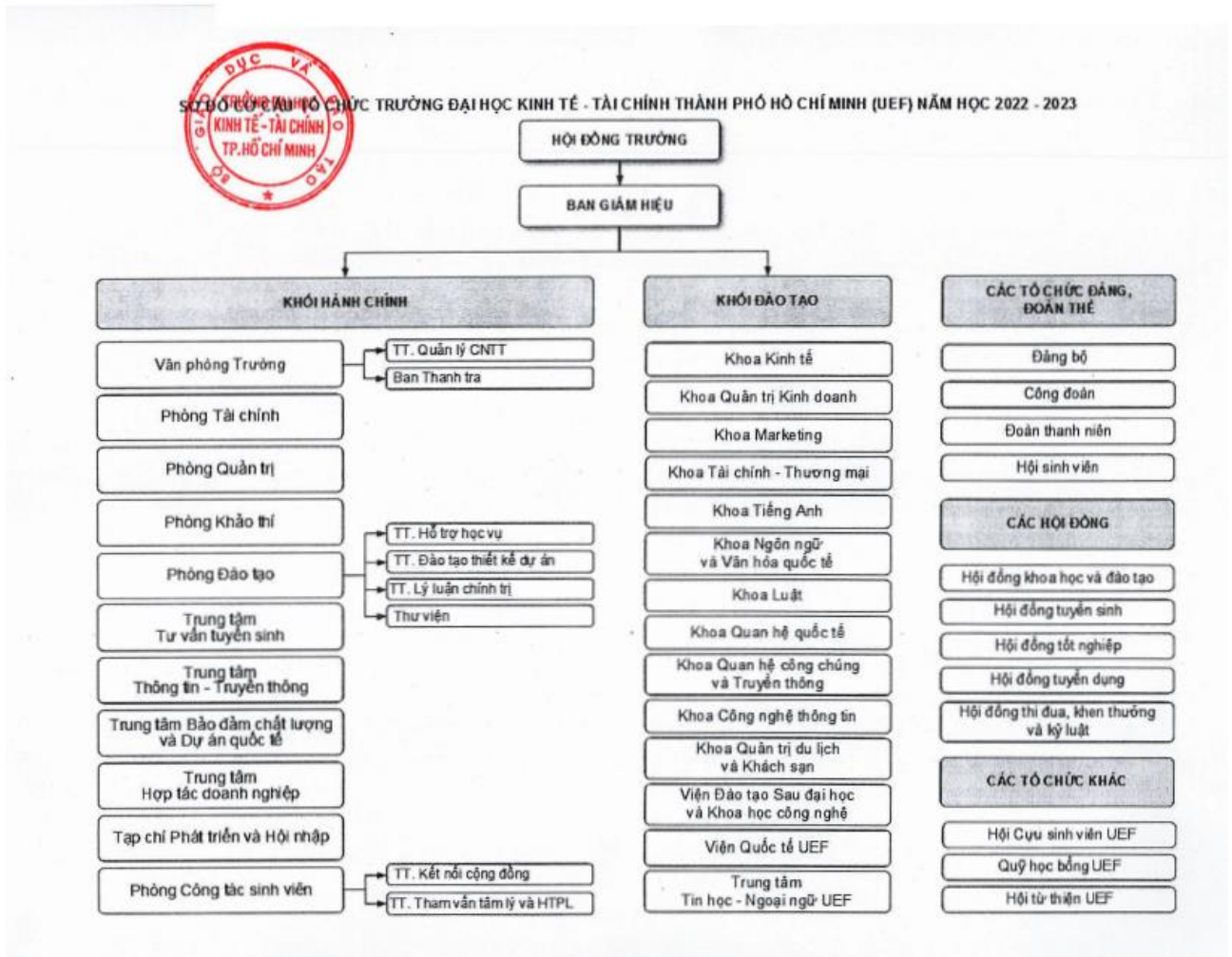
- Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế

- Khoa Luật

- Khoa Quan hệ quốc tế

- Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông
- Khoa Công nghệ thông tin
- Khoa Quản trị Du lịch và Khách sạn
- Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ
- Viện Quốc tế UEF
- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ UEF

Các tổ chức chính trị xã hội gồm có: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Hội đồng và một số các tổ chức khác.



Hình: Sơ đồ cơ cấu tổ chức trường Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023

1.2. Công tác đào tạo của trường

Sự thành công của công tác đào tạo tại UEF nhờ những điểm nhấn quan trọng như sau:

- Chương trình tiên tiến, giáo trình hiện đại, nội dung cập nhật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong xu thế hội nhập toàn cầu.
- Lớp học nhỏ, hầu hết khoảng 40 sinh viên, riêng lớp tiếng Anh khoảng 20 sinh viên. Phòng học trang bị hiện đại, dễ dàng thay đổi linh hoạt theo từng phương pháp giảng dạy.

Đây là điều kiện tiên quyết đảm bảo hiệu quả của các phương pháp giảng dạy tích cực, là điều kiện thuận tiện để giảng viên nắm chắc trình độ của từng sinh viên, hướng đến việc cá nhân hóa quá trình đào tạo.

- Đội ngũ giảng viên ưu tú, được chọn lọc theo các chuẩn mực: tâm huyết, giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm thực tế, nhuần nhuyễn trong phương pháp, thân thiện và gần gũi với sinh viên.

- Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng trong tất cả các môn học, giúp phát triển mạnh mẽ khả năng tư duy độc lập và sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, đồng thời qua đó hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.

- Giảng dạy theo hướng truyền đạt tinh hoa, nhấn mạnh phương pháp tương tác, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề cùng các kỹ thuật hỗ trợ như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, v.v... chính là những nét đặc trưng của các lớp học tại UEF.

- Giáo dục kỹ năng là một trong những trọng tâm đào tạo của UEF, với mong muốn đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng đòi hỏi cao của thị trường lao động hiện nay. Bên cạnh việc đào tạo các kiến thức chuyên môn, Nhà trường cũng chú trọng vào việc đào tạo các kỹ năng cứng được chú trọng trong các môn học chuyên môn. Kỹ năng mềm được đưa vào chương trình huấn luyện chính khóa, ngoại khóa, đồng thời sinh viên có cơ hội vận dụng và rèn luyện trong tất cả các môn học khác cũng như trong các hoạt động ngoài lớp học.

- Anh ngữ: Sinh viên được xếp lớp học theo trình độ ngay từ lúc trúng tuyển vào trường, Nhà trường thực hiện giảng dạy các chương trình đào tạo song ngữ, việc giảng dạy tiếng Anh được thực hiện bởi các giảng viên nước ngoài và giảng viên có nhiều kinh nghiệm, đảm bảo khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Anh khá thông thạo trong giao tiếp nghề nghiệp, có thể làm việc trong môi trường quốc tế.

- Hệ thống thông tin và truyền thông:

Thư viện hiện đại với sự kết hợp giữa hai loại hình: truyền thống và điện tử. Đặc biệt, UEF đẩy mạnh hướng phát triển thư viện điện tử, số đầu sách phong phú, liên thông với thư viện của nhiều trường đại học, các cơ sở dữ liệu lớn ở trong và ngoài nước. Thông qua internet, người sử dụng có thể truy cập tài liệu thư viện vào bất cứ lúc nào, từ bất cứ nơi đâu.

Internet wifi hoạt động 24/7 tại tất cả các cơ sở của trường, phục vụ tốt nhất cho việc học tập và giảng dạy, nhất là theo phương pháp mới.

Phần mềm quản lý riêng có của UEF không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, đáp ứng nhu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ, mà còn là môi trường giao tiếp thuận tiện, kể cả giữa Nhà trường với phụ huynh, giữa phụ huynh với sinh viên thông qua việc theo dõi tiến độ và kết quả học tập trên internet.

- Gắn kết lý thuyết và thực tiễn thông qua hai quá trình:

Quá trình đưa thực tế vào môi trường đào tạo được thực hiện trên cơ sở mời chọn những giảng viên giàu kinh nghiệm thực tế, những nhà quản lý giỏi và có khả năng sư phạm tham gia giảng dạy cho trường, những doanh nhân thành đạt chia sẻ kinh nghiệm cùng sinh viên.

Bên cạnh đó, giảng dạy theo tình huống là phương pháp quan trọng để giúp sinh viên tiếp cận thực tế trong bài học.

Quá trình dẫn dắt sinh viên tiếp cận thực tế, được thực hiện trên cơ sở:

- Thực hành chuyên môn qua các đợt khảo sát thực tế và viết tiểu luận, làm dự án gắn kết nội dung từng môn học.

- Tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm và biến kiến thức thành quy trình, thành hoạt động thực tế.

- Kiến tập ở năm thứ ba là cơ hội để sinh viên được tiếp cận nghề nghiệp và làm quen với những công việc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

- Thực tập tốt nghiệp ở cuối năm thứ tư là sự trải nghiệm toàn diện về việc làm như là một nhân viên thực thụ ở nơi thực tập. Sinh viên sẽ học cách vận dụng kiến thức vào thực tiễn, thực hành và rèn luyện kỹ năng, trau dồi thái độ hành xử...

- Nét nổi bật là có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với nhiều doanh nghiệp đối tác lớn, có uy tín để thực hiện hai quá trình nêu trên.

- Các trình độ đào tạo hiện nay:

- Đại học: 4 năm
- Thạc sĩ: 2 năm
- Tiến sĩ: 3 - 4 năm

1.3. Các ngành nghề đào tạo

Hiện nay, UEF đang đào tạo 35 ngành học thuộc hệ Đại học chính quy, cụ thể là:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bất động sản	7340116	
2.	Công nghệ tài chính	7340208	
3.	Công nghệ thông tin	7480201	
4.	Công nghệ truyền thông	7320106	
5.	Kế toán	7340301	
6.	Khoa học dữ liệu	7480109	
7.	Kiểm toán	7340302	
8.	Kinh doanh quốc tế	7340120	
9.	Kinh doanh thương mại	7340121	

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
10.	Kinh tế quốc tế	7310106	
11.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
12.	Luật	7380101	
13.	Luật kinh tế	7380107	
14.	Luật quốc tế	7380108	
15.	Marketing	7340115	
16.	Ngôn ngữ Anh	7220201	
17.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	
18.	Ngôn ngữ Nhật	7220209	
19.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	
20.	Quan hệ công chúng	7320108	
21.	Quan hệ quốc tế	7310206	
22.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
23.	Quản trị khách sạn	7810201	
24.	Quản trị kinh doanh	7340101	
25.	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	
26.	Quản trị nhân lực	7340404	
27.	Quản trị sự kiện	7340412	
28.	Quản trị văn phòng	7340406	
29.	Quảng cáo	7320110	
30.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
31.	Tài chính quốc tế	7340206	
32.	Tâm lý học	7310401	
33.	Thiết kế đồ họa	7210403	
34.	Thương mại điện tử	7340122	
35.	Truyền thông đa phương tiện	7320104	

Đối với hệ Sau đại học, trường đang đào tạo trình độ thạc sĩ với 05 ngành: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán; Luật Kinh tế và Ngôn ngữ Anh; trình độ tiến sĩ với 01 ngành: Quản trị kinh doanh. Số lượng sinh viên hiện nay như sau:

- Cao học : 610
- Đại học chính quy : 11700

Trường đã hoàn thành xây dựng mục tiêu đào tạo chung cho các ngành theo tiêu chuẩn quốc gia. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường đã xem xét, ban hành chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo (phù hợp theo chương trình khung của Bộ Giáo Dục và Đào tạo).

2. Sự cần thiết về việc mở ngành đào tạo

2.1. Cơ sở pháp lý

Con người và các vấn đề xoay quanh chủ thể này là đề tài nghiên cứu quan trọng nhất của các nhà khoa học từ trước đến nay bởi con người chính là trung tâm của vũ trụ, là chủ nhân và cũng chính là người thụ hưởng những thành tựu khoa học vĩ đại của nhân loại. Cùng với những tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật, nhu cầu về giáo dục là rất cần thiết trong bối cảnh nhân loại muốn chinh phục, khám phá những cột mốc mới trong nghiên cứu khoa học. Trước xu thế đó, ngày 04/11/2013, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) của Đảng ta thông qua với rất nhiều nội dung quan trọng, trong đó, nhấn mạnh vai trò của giáo dục, coi *“Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân”* và *“Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết”*. Theo định hướng phát triển nền giáo dục của Đảng, các cấp, các ngành, các địa phương cần tích cực đổi mới, thực hiện giáo dục toàn diện bằng các giải pháp đồng bộ và thiết thực, trong đó cần đặc biệt chú trọng đến việc *“Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân”*.

Năm 2018, Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học quy định nội dung quan trọng về điều kiện để mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; đó là *“Ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước, của từng lĩnh vực bảo đảm hội nhập quốc tế”*; qua đó đã nhấn mạnh vai trò của việc mở ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của xã hội, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Điều này có ý nghĩa cấp thiết đối với các ngành mũi nhọn, các ngành đòi hỏi nhu cầu nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực có trình độ cao để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế.

Là một trong những ngành nghề liên quan mật thiết đến lĩnh vực truyền thông, ngành Quan hệ công chúng (Public Relations - PR) đào tạo người học thực hiện các công việc, chiến lược cụ thể nhằm thiết lập cầu nối giữa tổ chức, doanh nghiệp với cộng đồng, khách hàng (hiện tại và tiềm năng), nhà đầu tư, giới truyền thông... nhằm định hình, khẳng định tên tuổi, thương hiệu sản phẩm hoặc đơn vị trong toàn bộ hoạt động và tiến trình phát triển. Hiện nay, nhu cầu về định vị thương hiệu trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường

đòi hỏi các doanh nghiệp phải tăng cường đội ngũ nhân lực quan hệ công chúng chuyên nghiệp, trình độ cao. Từ đó, việc đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực quan hệ công chúng là phù hợp với nhu cầu xã hội, phù hợp với đường lối phát triển mà Đảng đã đề ra về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII *“Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài... chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”*.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế, thu hút nguồn đầu tư từ những nước phát triển, đồng thời chú trọng đầu tư xuất khẩu vào những ngành kinh tế mũi nhọn. Việc hội nhập quốc tế tạo sự thuận lợi rất lớn nhưng cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, khi họ phải cạnh tranh với các tập đoàn nước ngoài và ngược lại. Trước bối cảnh cạnh tranh khốc liệt trên thị trường kinh doanh, để định vị và phát triển một thương hiệu không phải là việc dễ dàng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp đẩy mạnh các chiến lược quảng bá thương hiệu, đưa sản phẩm đến gần với người tiêu dùng. Và quan hệ công chúng được xem là giải pháp mà các doanh nghiệp hướng đến trong xây dựng và phát triển hình ảnh về sản phẩm trên thị trường, góp phần gia tăng thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp.

Trong xã hội hiện đại của nền kinh tế thị trường, Quan hệ công chúng giữ vai trò quan trọng hơn quảng cáo trong việc xây dựng hình ảnh và quảng bá thương hiệu. Tác giả Grunig, James E; Hunt, Todd (1984) đã định nghĩa *“Quan hệ công chúng (Public Relations - PR) là hoạt động quản lý và phổ biến thông tin từ một cá nhân hoặc tổ chức (ví dụ doanh nghiệp, cơ quan chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận) tới công chúng nhằm tác động đến nhận thức của họ”*. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, Quan hệ công chúng và quảng cáo khác nhau ở chỗ PR được kiểm soát nội bộ, trong khi quảng cáo không được kiểm soát và cũng không được đóng góp/góp ý bởi các bên liên quan bên ngoài.

Mặt khác, sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, một địa phương chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó yếu tố lao động (do con người quyết định đến trình độ lao động, trình độ công nghệ) có ý nghĩa then chốt. Chỉ có đầu tư vào con người là mang tính lâu dài, là cơ sở chắc chắn nhất cho sự phát triển, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”*. Phân tích sâu hơn về vai trò của nguồn nhân lực trình độ cao, tác giả Nguyễn Đắc Hưng nhận định *“tuy không phải là “một giai cấp độc lập về kinh tế” nhưng trí thức lại là một tầng lớp xã hội, đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển của một quốc gia, một dân tộc. Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên toàn cầu đòi hỏi Việt Nam phải trang bị nhiều yếu tố để bắt kịp xu thế thời đại. Trong đó, nguồn nhân lực có trình độ, có chuyên môn là yếu tố cực kỳ quan trọng. Để tận dụng tốt thời cơ và vượt qua những nguy cơ, thách thức từ cuộc cách mạng này, vấn đề khai thác nguồn nhân lực, nhất là xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề đã và đang được đặt ra. Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu với 3 lĩnh vực chính: Công nghệ sinh học, Kỹ thuật số và Vật lý cũng tác động mạnh mẽ đến việc*

đào tạo lực lượng tri thức tại Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực truyền thông khi có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ truyền thông truyền thống sang truyền thông công nghệ số.

Việc phân tích nhu cầu nguồn nhân lực các ngành đào tạo, trong đó có ngành Quan hệ công chúng với yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ sau đại học là cơ sở để Trường xây dựng các phương án, số lượng tuyển sinh trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh đã được cấp phép.

2.3. Đánh giá nhu cầu của xã hội đối với ngành thạc sĩ Quan hệ công chúng

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố, năm 2022, cả nước có 148,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.590,9 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 981,3 nghìn lao động, tăng 27,1% về số doanh nghiệp, giảm 1,3% về vốn đăng ký và tăng 14,9% về số lao động so với năm trước. Chỉ riêng Thành phố Hồ Chí Minh, là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, trong năm 2022, Thành phố đã cấp phép 44,3 nghìn doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 472,5 nghìn tỷ đồng, tăng 42,3% về giấy phép so với cùng kì. Về cơ cấu kinh tế của thành phố, khu vực thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất, đến 64,0%, Trong đó, chín ngành dịch vụ chủ yếu chiếm 58,7% trong GRDP, chiếm 91,7% trong khu vực dịch vụ. Cũng theo dự báo của Trung tâm Dự báo nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM, nhu cầu nhân lực của TP.HCM trong năm 2023 tiếp tục tập trung ở chín ngành dịch vụ chủ yếu, trong đó ngành Thông tin và truyền thông chiếm tỷ lệ 5,71% của thị trường lao động.

Qua đó có thể thấy, để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình hội nhập quốc tế, TP. HCM đã và đang tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học. Đây là quyết định đúng đắn để tăng lợi thế cạnh tranh, đẩy nhanh tốc độ phát triển, hội nhập và thu hút đầu tư ở thành phố năng động, phát triển kinh tế dẫn đầu cả nước.

Với nhu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực quan hệ công chúng của TP. HCM nói riêng và cả nước nói chung, cũng như chính sách khuyến khích, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao của Thành phố, các cơ sở giáo dục có sứ mạng thực hiện công tác giáo dục, đào tạo này. Theo Stuart Elliot (2012), ngành Quan hệ công chúng phải thực hiện sứ mệnh là “hoạt động giao tiếp chiến lược nhằm xây dựng mối quan hệ cùng có lợi giữa các tổ chức và đại chúng” nên bản thân người học, sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, họ có rất nhiều cơ hội việc làm tại các công ty, doanh nghiệp, các công ty truyền thông quảng cáo và Quan hệ công chúng, các cơ quan nhà nước; tham gia giảng dạy truyền thông nói chung, Quan hệ công chúng nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng, các viện, các trung tâm báo chí hoặc tiếp tục nghiên cứu học lên bậc cao hơn trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông, chuyên viên tổ chức sự kiện, quan hệ khách hàng, quan hệ báo chí, truyền thông nội bộ, truyền thông doanh nghiệp, chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng, phóng viên, biên tập viên, nghiên cứu và giảng dạy ngành Quan hệ công chúng tại các cơ sở giáo dục, chuyên viên sáng tạo nội dung copywriter, MC, phát ngôn viên,...

Những phân tích trên cho thấy, nhu cầu về đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ là cấp thiết, và người học sau khi học xong chương trình này cũng có rất nhiều cơ hội để phát triển và nâng cao cơ hội nghề nghiệp của mình.

2.3.1. Thực trạng đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ ở Việt Nam hiện nay

Với vai trò nhất định của mình trong hệ thống giáo dục đại học cũng như trên thị trường lao động, ngành Quan hệ công chúng đã bắt đầu được đào tạo và phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây. Bất kể xu hướng phát triển và nhu cầu tuyển dụng từ các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp, nhiều cơ sở giáo dục đã rất thành công trong việc thu hút và đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng. Ở trình độ đại học, nhiều trường đại học đào tạo ngành học này như Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM, Trường Đại học Công nghệ TP. HCM, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Trường Đại học Kinh tế quốc dân... Đây đều là những cơ sở giáo dục uy tín, đào tạo nguồn nhân lực về Quan hệ công chúng trình độ đại học đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tuy vậy, đối với việc đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ sau đại học, theo tìm hiểu, hiện nay, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Khu vực miền Bắc) đang tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Ở khu vực miền Nam, hiện chưa có cơ sở giáo dục mở ngành và đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ. Do đó, đây là cơ hội rất lớn để Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM triển khai đào tạo nhằm thực hiện sứ mạng của Trường cũng như đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội.

Mặt khác, tháng 3/2022, chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỉ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu là 94,00% theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐKĐCLV ngày 19/03/2022 và Quyết định số 439/QĐ-KĐCLV ngày 24/04/2022. Đặc biệt, đối chiếu với khoản 1 Điều 33 của Luật Sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học, các tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ giảng viên nhân viên, về cơ sở vật chất của ngành học này đạt điểm số rất cao (4,00 và 4,20). Điều này một lần nữa chứng minh Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM có ưu thế vượt trội về các điều kiện để mở ngành chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ.

2.3.2. Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

2.3.2.1. Cách thức tổ chức nghiên cứu

Nhằm tìm hiểu rõ hơn về nhu cầu của nhà tuyển dụng trong đối với nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, nhóm nghiên cứu đã tham khảo ý kiến nhà tuyển dụng với các nội dung về năng lực của người học mà nhà tuyển dụng mong muốn. Việc khảo sát chủ yếu được thực hiện trên Google Form với nội dung triển khai cụ thể như sau:

Nội dung khảo sát: Thông tin cá nhân và đơn vị sử dụng lao động; vai trò nguồn nhân lực ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ; nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ của đơn vị; xác định các yếu tố cần thiết để tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ; khả năng giới thiệu người thân lựa chọn Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM là nơi đăng ký học tập ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp, những lưu ý mà Trường cần quan tâm khi tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ và những ý kiến đóng góp, đánh giá tính phù hợp cho chương trình đào tạo này.

Link khảo sát: <https://forms.gle/T88HDKGAegBQtBzt9>.

Xử lý kết quả khảo sát: Nhóm nghiên cứu sử dụng các công cụ Excel để xử lý dữ liệu. Trong đó, các thông tin định lượng được xử lý theo tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn. Các thông tin định tính được xử lý theo phương pháp phân tích nội dung.

Đối với các câu hỏi đánh giá mức độ cần thiết, quan trọng của nội dung câu hỏi, chúng tôi thiết kế thang đo với 5 mức: Thấp nhất là mức 1 và cao nhất là mức 5; **giá trị khoảng cách thang đo** = $(5-1)/5=0,8$; tương ứng với thang điểm trung bình (ĐTB) như sau:

- Mức 1: **Rất không quan trọng/cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 1,0 đến cận 1,8**;
- Mức 2: **Không quan trọng/cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 1,8 đến cận 2,6**;
- Mức 3: **Khá quan trọng/cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 2,6 đến cận 3,4**;
- Mức 4: **Quan trọng/ Cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 3,4 đến cận 4,2**;
- Mức 5: **Rất quan trọng/cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 4,2 đến 5,0**.

2.3.2.2. Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

2.3.2.2.1. Đối tượng khảo sát

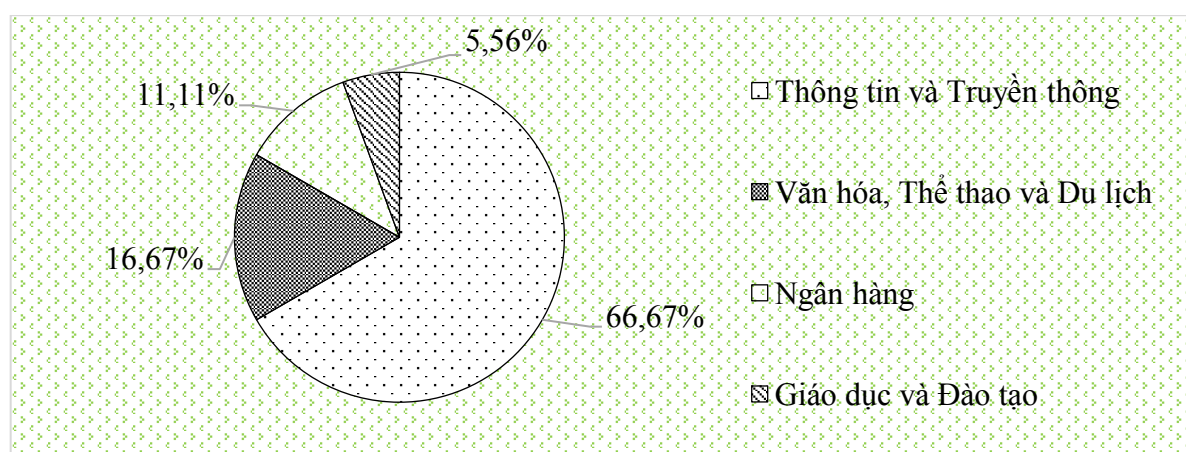
Nhóm nghiên cứu đã triển khai khảo sát 18 cá nhân đại diện của các đơn vị sử dụng lao động sau:

Bảng 1. Đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát

STT	Tên đơn vị
1	Trung tâm Ca nhạc nhẹ TP.HCM
2	Tạp chí Doanh Nhân Sài Gòn
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sacombank
5	Kênh Truyền hình Kinh tế tài chính SCTV8 - VITV

STT	Tên đơn vị
6	Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai
7	Công ty TNHH ZEE
8	Công ty TNHH VietNam Event Group
9	Công ty TNHH Truyền thông Giải trí Cánh Cung
10	Công ty TNHH Truyền thông Bee - Bee Comm
11	Công ty TNHH Truyền hình Cáp SCTV
12	Công ty TNHH MTV Quân sự ý tưởng - Ideaguru
13	Công ty CP Văn hóa và Truyền thông Nam Hưng - Nam Hưng Media
14	Công ty CP Truyền thông Bold Wolf
15	Công ty CP Saigon Contemporary and Ballet dance Corporation - SCBC Vietnam
16	Công ty CP Phát triển Truyền thông Quảng cáo MAC Việt Nam - MCV Group
17	Công ty CP Học viện Doanh nhân MVV - MVV Academy
18	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thể Thao Sài Gòn - SSDIC

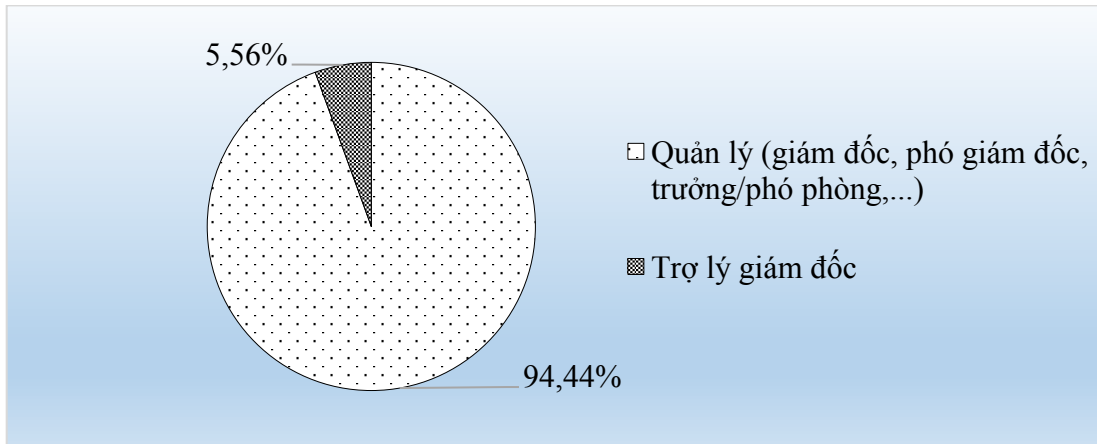
Biểu đồ 1. Lĩnh vực hoạt động của đơn vị tham gia khảo sát (Đơn vị: %)



Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn khảo sát chủ yếu là những đơn vị đang hoạt động liên quan đến lĩnh vực truyền thông. Kết quả khảo sát cho thấy, chiếm tỷ lệ lớn nhất là các đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực “*Thông tin và Truyền thông*” với **66,67%**, kế tiếp là lĩnh vực “*Văn hóa, Thể thao và Du lịch*” với **16,67%**, lĩnh vực “*Ngân hàng*” với **11,11%** và có tỷ lệ thấp nhất trong các nhóm lĩnh vực hoạt động của đơn vị tham gia khảo sát là lĩnh vực “*Giáo dục và Đào tạo*” với **5,56%**.

Sự đa dạng về cỡ mẫu nhưng có định hướng tập trung vào lĩnh vực thông tin và truyền thông giúp cho Trường có được góc nhìn đa chiều nhưng cũng chuyên sâu vào nội dung cần khảo sát.

Biểu đồ 2. Vị trí công việc của các cá nhân tham gia khảo sát (Đơn vị: %)

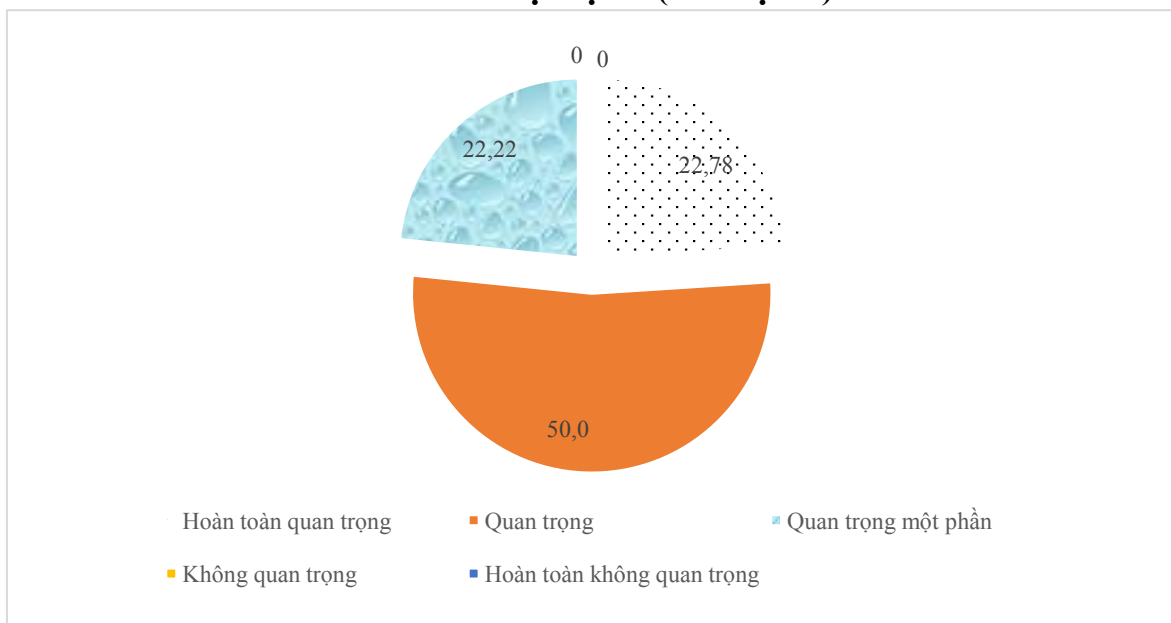


Kết quả khảo sát trên cho thấy, các cá nhân đại diện đơn vị tham gia khảo sát chiếm **94,44%** là “*Quản lý (giám đốc, phó giám đốc, trưởng/phó phòng,...)*”, còn lại vị trí “*Trợ lý giám đốc*” với **5,56%**. Với việc đại diện đơn vị tập trung ở nhóm quản lý từ cấp trung trở lên sẽ cung cấp các thông tin, ý kiến xác đáng về chuyên môn cũng như về nguồn nhân lực mà Trường đang quan tâm tìm hiểu.

2.3.2.2.2. Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

Nhóm nghiên cứu tiến hành tìm hiểu tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ từ nhà tuyển dụng. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhu cầu học tập của người học. Kết quả cụ thể như sau:

Biểu đồ 3. Đánh giá về tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ (Đơn vị: %)



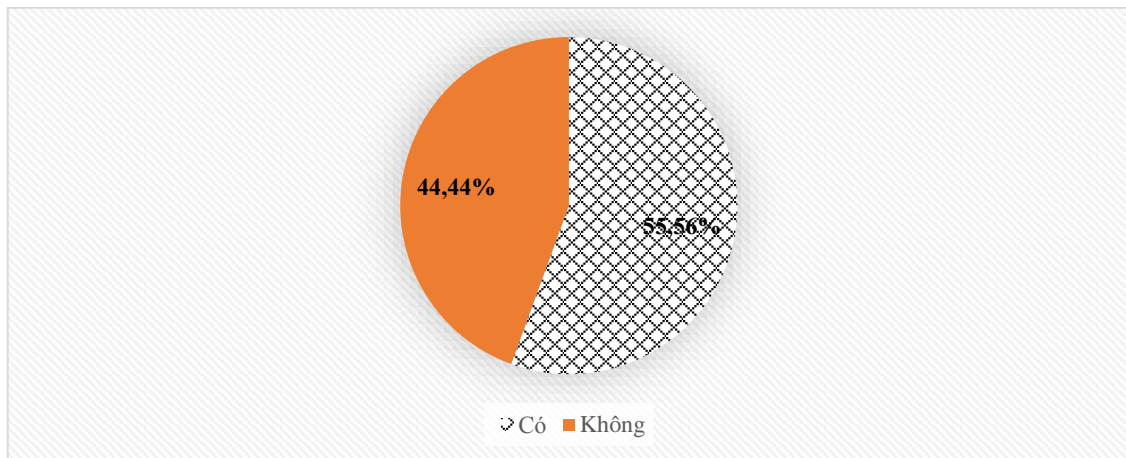
Kết quả khảo sát cho thấy doanh nghiệp đánh giá cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ. Cụ thể, với mức độ “quan trọng” đạt tỷ lệ **50,00%**. Mức độ “hoàn toàn quan trọng” đạt **22,78%**, và mức độ “quan trọng một phần” đạt **22,22%**. Mức độ “không quan trọng” và “hoàn toàn không quan trọng” đều có tỷ lệ là **0%**.

Như vậy, trong thời kỳ phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, vai trò nguồn nhân lực được đào tạo của ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá là quan trọng.

2.3.2.2.3. Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ của các đơn vị sử dụng lao động

Để tìm hiểu về nhu cầu của thị trường lao động về nguồn nhân lực được đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, việc thực hiện khảo sát nhu cầu, xu hướng tuyển dụng của các đơn vị sử dụng lao động đối với ngành là cần thiết. Kết quả được thể hiện qua sơ đồ sau:

Biểu đồ 4. Nhu cầu tuyển dụng nhân sự có trình độ ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ của doanh nghiệp (Đơn vị: %)

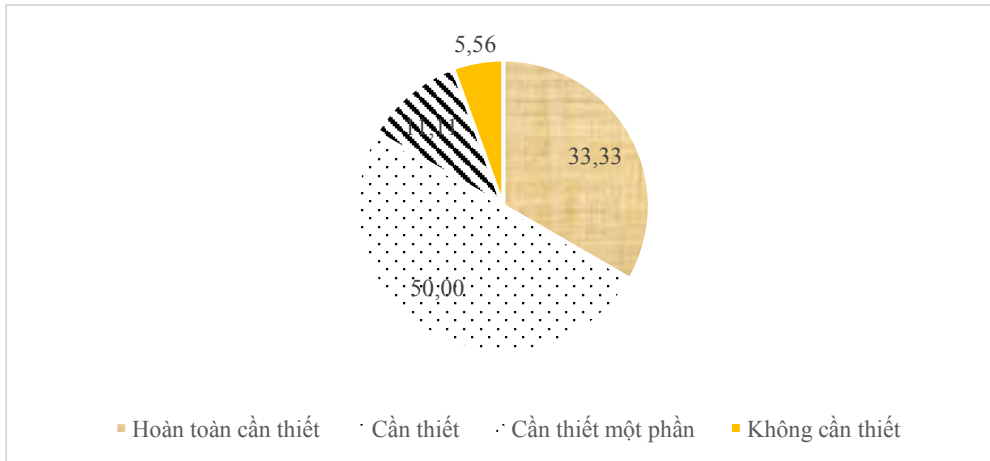


Biểu đồ trên cho thấy, tỷ lệ cao các đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát đang có nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ với **55,56%**. Qua đó cho thấy, việc đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ là cần thiết để kịp thời cung cấp nguồn lao động chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2.3.2.2.4. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của việc tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

Nhằm tìm hiểu đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về việc tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát và thu được kết quả như sau:

Biểu đồ 5. Đánh giá về sự cần thiết của việc tổ chức đào tạo thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng (Đơn vị: %)

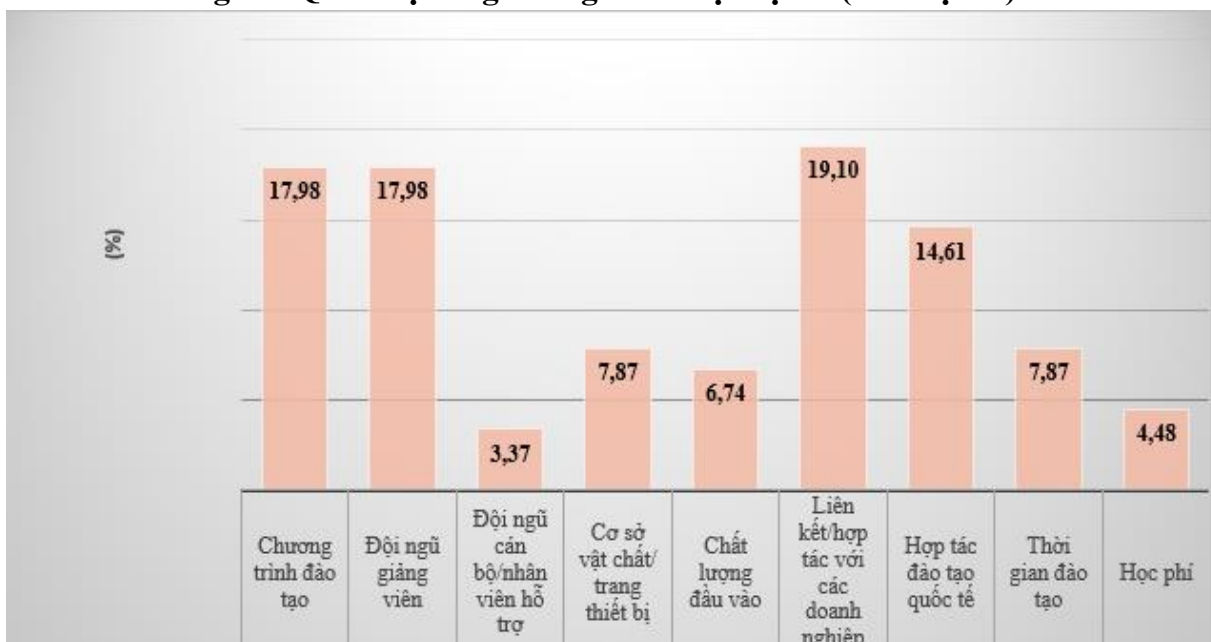


Kết quả khảo sát cho thấy, đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao sự cần thiết của việc tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ với **50,00%** phản hồi cho rằng “*cần thiết*” tổ chức đào tạo. Mức độ “*hoàn toàn cần thiết*” chiếm tỷ lệ **33,33%** và mức độ “*cần thiết một phần*” chiếm **11,11%**. Điều này cho thấy việc tổ chức đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành học này là cần thiết, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng như xu hướng vươn tầm quốc tế của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM như hiện nay.

2.3.2.2.5. Kết quả khảo sát về các điều kiện tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

Nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập những ý kiến, đóng góp của đơn vị sử dụng lao động về những yếu tố cần chú trọng khi tiến hành đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ. Đây là cơ sở dữ liệu hữu ích góp phần hỗ trợ cho công tác chuẩn bị đào tạo một cách tốt nhất, kết quả được ghi nhận như sau:

Biểu đồ 6. Đánh giá về các yếu tố cần chú trọng trong việc tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ (Đơn vị: %)



Kết quả khảo sát cho thấy, có nhiều yếu tố mà Trường cần chú trọng đầu tư để tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ một cách có hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động sau khi tốt nghiệp.

Theo đó, vấn đề liên kết, “*hợp tác với các doanh nghiệp*” được đánh giá là yếu tố cần chú trọng nhất với tỷ lệ **19,10%**. Tiếp theo đó là “*chương trình đào tạo và đội ngũ giảng viên*” (cùng chiếm tỷ lệ **17,98%**). Các yếu tố về *hợp tác quốc tế, thời gian đào tạo, cơ sở vật chất, học phí và đội ngũ hỗ trợ, cán bộ nhân viên* chiếm tỷ lệ dao động trong khoảng **14,61% - 3,37%**.

Qua đó cho thấy, nhà tuyển dụng rất quan tâm đến việc liên kết, hợp tác với doanh nghiệp. Điều này có thể lý giải vì nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao (trình độ thạc sĩ) là rất quan trọng với doanh nghiệp. Do đó, Nhà trường và doanh nghiệp cần có mối liên hệ hỗ trợ qua lại lẫn nhau để đào tạo đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng, tránh tình trạng đào tạo lý thuyết, xa rời thực tiễn doanh nghiệp. Ngoài ra, yếu tố về “*Chương trình đào tạo*” và “*Đội ngũ giảng viên*” cũng là hai nội dung mà các đơn vị sử dụng lao động quan tâm hàng đầu trong quá trình đào tạo vì nó có ảnh hưởng nhất định đến sản phẩm đầu ra của quá trình đào tạo. Đánh giá của nhà tuyển dụng cho các vấn đề này là những cơ sở quan trọng giúp Trường có những định hướng xây dựng và tổ chức đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ trong thời gian tới.

2.3.2.2.6. Kết quả khảo sát về mức độ cần đáp ứng về kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

Để tìm hiểu yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát vấn đề này và kết quả thu được như sau:

Bảng 2. Mức độ cần đáp ứng về kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ (Đơn vị: %)

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến những hoạt động quan hệ công chúng	28,57
2	Xác định các kiến thức liên ngành có liên quan và vận dụng linh hoạt vào mảng truyền thông	22,22
3	Xây dựng và định hướng các giải pháp định vị sản phẩm, phát triển truyền thông cho đơn vị	42,12
4	Khác...	7,09

Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhà tuyển dụng mong muốn với các kiến thức đã học được ở trình độ thạc sĩ, người học sau khi ra trường có năng lực “*xây dựng và định hướng các giải pháp định vị sản phẩm, phát triển kênh truyền thông cho đơn vị*” (chiếm tỷ lệ cao nhất với **42,12%**), “*Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến những hoạt động quan hệ công chúng*” (chiếm tỷ lệ cao thứ hai với **28,57%**) và “*Xác định các kiến thức liên ngành có liên quan và vận dụng linh hoạt vào mảng truyền thông*” (chiếm tỷ lệ cao thứ ba với **22,22%**).

Ngoài ra, nhà tuyển dụng còn mong muốn người học sau khi tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ có khả năng sáng tạo các sản phẩm truyền thông, kết hợp giữa truyền thông truyền thống và truyền thông hiện đại để tạo ra sự linh động trong giải quyết công việc. Các kiến thức và yêu cầu kiến thức của nhà tuyển dụng hoàn toàn phù hợp với Khung trình độ Quốc gia bậc 7, là những nội dung mà Trường cần lưu ý khi xây dựng chương trình đào tạo.

2.3.2.2.7. Kết quả khảo sát về mức độ cần đáp ứng về kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

Để tìm hiểu yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát vấn đề này và kết quả thu được như sau:

Bảng 3. Mức độ cần đáp ứng về kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ (Đơn vị: %)

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Phát triển kỹ năng chuyên môn (viết, biên tập, xuất bản, quay, dựng phim, phát thanh...) vào thực tiễn quản lý nghề nghiệp	43,21
2	Nghiên cứu, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực quan hệ công chúng vào thực tiễn	26,17
3	Phân tích, đánh giá dữ liệu và có các giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực quan hệ công chúng	26,17
4	Khác...	4,45

Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhà tuyển dụng mong muốn với các kỹ năng đã học được ở trình độ thạc sĩ, người học sau khi ra trường có khả năng “*Phát triển kỹ năng chuyên môn (viết, biên tập, xuất bản, quay, dựng phim, phát thanh...) vào thực tiễn quản lý nghề nghiệp*” (chiếm tỷ lệ cao nhất với **43,21%**). Hai nội dung về “*Phân tích, đánh giá dữ liệu và*

có các giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực quan hệ công chúng” và “Phân tích, đánh giá dữ liệu và có các giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực quan hệ công chúng” cùng chiếm tỷ lệ **26,17%**.

Ngoài ra, nhà tuyển dụng còn mong muốn một số kỹ năng khác như đánh giá kết quả làm việc bằng phương pháp định tính, định lượng để đảm bảo hiệu quả công việc.

2.3.2.2.8. Kết quả khảo sát về mức độ cần đáp ứng về mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

Để tìm hiểu yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với mức độ cần đáp ứng về mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát vấn đề này và kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Mức độ cần đáp ứng về mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ (Đơn vị: %)

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Nghiên cứu và đưa ra những sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực quan hệ công chúng	30,12
2	Đưa ra các quyết định chuyên môn trong xử lý vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ công chúng của đơn vị	25,14
3	Đánh giá và có các cải tiến cho hoạt động quan hệ công chúng của đơn vị	37,35
4	Khác...	7,39

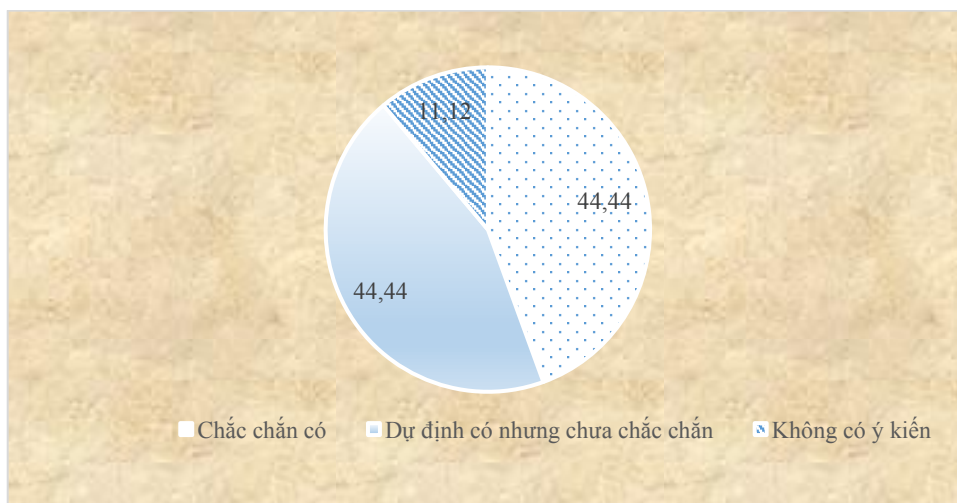
Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhà tuyển dụng mong muốn với mức tự chủ và trách nhiệm đã học được ở trình độ thạc sĩ, người học sau khi ra trường có khả năng “Đánh giá và có các cải tiến cho hoạt động quan hệ công chúng của đơn vị” (chiếm tỷ lệ cao nhất với **37,35%**), “Nghiên cứu và đưa ra những sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực quan hệ công chúng” (chiếm tỷ lệ cao thứ hai với **26,17%**), “Đưa ra các quyết định chuyên môn trong xử lý vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ công chúng của đơn vị” (chiếm tỷ lệ cao thứ ba với **25,14%**).

Ngoài ra, nhà tuyển dụng còn mong muốn một số mức tự chủ và trách nhiệm khác như hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện một chương trình quan hệ công chúng cụ thể, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trước tổ chức về các dự án quan hệ công chúng đã thực hiện.

2.3.2.2.9. Kết quả khảo sát về khả năng lựa chọn/giới thiệu cho người thân tham gia học tập ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát sự quan tâm của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM trong thời gian tới thông qua khả năng lựa chọn/giới thiệu người thân tham gia học tập tại đây. Kết quả được thể hiện qua sơ đồ sau:

Biểu đồ 7. Khả năng lựa chọn/giới thiệu người thân tham gia học tập ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM (Đơn vị: %)



Kết quả khảo sát cho thấy, **44,44%** đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát “*chắc chắn*” sẽ giới thiệu người thân vào học chương trình thạc sĩ Quan hệ công chúng tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM. Nội dung “*dự tính có nhưng chưa chắc chắn*” cũng chiếm tỷ lệ **44,44%**. Nội dung “*không có ý kiến*” chiếm tỷ lệ **11,12%**. Điều này khẳng định sự thành công của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM trong việc tạo uy tín đối với các bên liên quan, đây là dấu hiệu tốt trong việc xác định nhu cầu học tập và tiếp tục phát triển đào tạo các ngành nghề của Trường, đồng thời là động lực để nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM.

2.3.2.2.10. Những ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng đối với việc đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

Nhóm nghiên cứu thu thập thêm các ý kiến, đóng góp khác của nhà tuyển dụng, từ đó có cái nhìn tổng quát hơn trong việc đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, cụ thể như sau:

❖ **Về những điều mà Trường cần chú ý khi xây dựng chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ**

- Thẩm định nghiêm túc chất lượng đầu vào;
- Đề xuất khảo sát ý kiến thực tế của doanh nghiệp để đưa ra khung chương trình đào tạo thực tế phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội;
- Chương trình đào tạo phải xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo từ các nước tiên tiến và phù hợp với bối cảnh, văn hóa Việt Nam, có cập nhật liên tục xu thế mới trên thế giới;
- Đào tạo sâu đúng chuyên ngành;
- Đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, đan xen thực hành và lý thuyết thông qua các casestudy, thảo luận/trình bày nhóm và bài tập tình huống;
- Các giảng viên phải vừa có trình độ học thuật cao, vừa có chuyên môn thực tế;
- Phải đảm bảo chuẩn đầu ra của học viên đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng.

❖ Về việc mở ngành đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

- Đẩy mạnh mở ngành đào tạo sớm để tạo lợi thế cạnh tranh;
- Chương trình học cần mang tính ứng dụng cao và ngắn gọn, tập trung vào hiệu quả;
- Hướng dẫn học viên thực hiện khối kiến thức tốt nghiệp mang giá trị thực tiễn có thể áp dụng thực tế;
- Đào tạo thạc sĩ cần có yếu tố quốc tế (chất lượng quốc tế hoặc liên kết quốc tế);
- Chương trình đào tạo cần có những đặc thù riêng khi xây dựng để phù hợp thời kỳ công nghiệp 4.0;
- Xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng, trình độ cao;

Phân giới thiệu và truyền thông ngành học cần làm rõ cho các bên liên quan kết quả đầu ra có sự khác biệt gì so với cử nhân

3. Điều kiện về chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu đào tạo

3.1.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng có định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực sau đại học chất lượng cao, có kiến thức thực tế; có kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực quan hệ công chúng; có năng lực nghiên cứu khoa học tiên tiến; có kỹ năng sử dụng công nghệ phù hợp; có kỹ năng phổ biến tri thức. Người học tốt nghiệp có năng lực lãnh đạo, quản lý; có khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong nước và quốc tế, kết nối chặt chẽ và đóng góp cho cộng đồng.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

Thạc sĩ ngành Quan hệ Công chúng có khả năng:

Về kiến thức:

- **PO1.** Kiến thức thực tiễn có hệ thống vững chắc trong lĩnh vực Quan hệ công chúng và truyền thông của Việt Nam và thế giới.
- **PO2.** Kiến thức lý thuyết rộng, chuyên sâu và tiên tiến trong phạm vi ngành Quan hệ công chúng - truyền thông và các lĩnh vực có liên quan.
- **PO3.** Kiến thức về phương pháp nghiên cứu, phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

Về kỹ năng:

- **PO4.** Kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực Quan hệ công chúng; linh hoạt, thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong nước và quốc tế, kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.
- **PO5.** Năng lực lãnh đạo; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động Quan hệ công chúng.

Về thái độ:

- **PO6.** Hiểu biết và tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.
- **PO7.** Hình thành thói quen tự học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức, công nghệ; đóng góp vì sự tiến bộ của cộng đồng.

3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Về Kiến thức:

- PLO1. Hiểu biết, phân tích được lịch sử hình thành, phát triển; các lĩnh vực chuyên môn và hoạt động của ngành Quan hệ công chúng Việt Nam và thế giới.
- PLO2. Đánh giá được các hoạt động, các đặc điểm môi trường truyền thông - quan hệ công chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- PLO3. Vận dụng được các nguyên lý và học thuyết truyền thông - quan hệ công chúng để xác định, triển khai và giải quyết các vấn đề về Quan hệ công chúng, truyền thông.
- PLO4. Xây dựng và phát triển chiến lược truyền thông của tổ chức; nghiên cứu, phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.
- PLO5. Vận dụng tư duy phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động Quan hệ công chúng, truyền thông. Tiếp cận và giải quyết vấn đề Quan hệ công chúng, truyền thông từ góc độ liên văn hóa.

Về Kỹ năng:

- PLO6. Phân tích, tổng hợp, đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin; sử dụng các phương pháp, công cụ, phần mềm tin học tiên tiến trong nghiên cứu học thuật và thực tiễn nghề nghiệp một cách sáng tạo.
- PLO7. Tổ chức, quản lý các hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong nước và quốc tế.
- PLO8. Tổ chức truyền đạt tri thức, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho người khác.

Về Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- PLO9. Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.
- PLO10. Đảm bảo tính chuyên nghiệp; có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nâng cao hiệu quả, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong môi trường nghề nghiệp trong nước và hội nhập quốc tế.
- PLO11. Có khả năng nghiên cứu và đề xuất những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. Đóng góp vì sự tiến bộ của cộng đồng.

Bảng 1. Chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1. Hiểu biết, phân tích được lịch sử hình thành, phát triển; các lĩnh vực chuyên môn và hoạt động của ngành QHCC Việt Nam và thế giới.	K1	4,0
PLO2. Đánh giá được các hoạt động, các đặc điểm môi trường truyền thông - quan hệ công chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa.	K1, K2	5,0
PLO3. Vận dụng được các nguyên lý và học thuyết truyền thông - quan hệ công chúng để xác định, triển khai và giải quyết các vấn đề về Quan hệ công chúng.	K1, K2, K3	5,0
PLO4. Xây dựng và phát triển chiến lược truyền thông của tổ chức; nghiên cứu, phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.	K1, K3	5,0
PLO5. Vận dụng tư duy phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động Quan hệ công chúng, truyền thông. Tiếp cận và giải quyết vấn đề Quan hệ công chúng, truyền thông từ góc độ liên văn hóa.	K2, K3	4,0-5,0
PLO6. Phân tích, tổng hợp, đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin; sử dụng các phương pháp, công cụ, phần mềm tin học tiên tiến trong lĩnh vực nghiên cứu học thuật và thực tiễn nghề nghiệp một cách sáng tạo.	S1, S4	5,0
PLO7. Tổ chức, quản lý các hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong nước và quốc tế	S3	4,0-5,0
PLO8. Tổ chức truyền đạt tri thức, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho người khác.	S2	4,0-5,0

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO9. Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.	C2	4,0-5,0
PLO10. Đảm bảo tính chuyên nghiệp; có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nâng cao hiệu quả, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong môi trường nghề nghiệp trong nước và hội nhập quốc tế.	C2	5,0
PLO11. Có khả năng nghiên cứu và đề xuất những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. Đóng góp vì sự tiến bộ của cộng đồng.	C1, C3, C4	5,0

Danh mục các chuẩn đối sánh

(1) Thang đo nhận thức Bloom

Bảng 2. Thang đo nhận thức Bloom

Mức nhận thức		Động từ
06	Sáng tạo	Thiết kế, lắp ráp, xây dựng, phỏng đoán, phát triển, điều tra, ..
05	Đánh giá	Đánh giá, tranh luận, xác định, lựa chọn, hỗ trợ, phê bình, cân nhắc,
04	Phân tích	Phân biệt, tổ chức, liên hệ, so sánh, đối chiếu, kiểm tra, thử nghiệm, đặt câu hỏi, ...
03	Áp dụng	Thực hiện, giải quyết, sử dụng, chứng minh, diễn giải, vận hành, lên lịch, phác thảo,...
02	Hiểu	Phân loại, mô tả, thảo luận, giải thích, xác định, báo cáo, nhận biết, lựa chọn,..
01	Ghi nhớ	Định nghĩa, sao chép, liệt kê, ghi nhớ, lặp lại,...

(2) Khung trình độ quốc gia – bậc 7 (trích Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kiến thức (K):

- K1. Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo;
- K2. Kiến thức liên ngành có liên quan;
- K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý;

Kỹ năng (S):

- S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;
- S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác;
- S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;
- S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp;
- S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

- C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng;
- C2. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;
- C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;
- C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Bảng 3. Ma trận mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mục tiêu đào tạo cụ thể						
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1. Hiểu biết, phân tích được lịch sử hình thành, phát triển; các lĩnh vực chuyên môn và hoạt động của ngành QHCC Việt Nam và thế giới.	X		X	X			
PLO2. Đánh giá được các hoạt động, các đặc điểm môi trường truyền thông - quan hệ công chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa.	X	X		X		X	
PLO3. Vận dụng được các nguyên lý và học thuyết truyền thông - quan hệ công chúng để xác định, triển khai và giải quyết các vấn đề về Quan hệ công chúng.		X		X	X		
PLO4. Xây dựng và phát triển chiến lược truyền thông của tổ chức; nghiên cứu, phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.			X	X	X		X
PLO5. Vận dụng tư duy phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động Quan hệ công chúng, truyền thông. Tiếp cận và giải quyết vấn đề Quan hệ công chúng, truyền thông từ góc độ liên văn hóa.		X	X	X		X	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mục tiêu đào tạo cụ thể						
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO6. Phân tích, tổng hợp, đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin; sử dụng các phương pháp, công cụ, phần mềm tin học tiên tiến trong lĩnh vực nghiên cứu học thuật và thực tiễn nghề nghiệp một cách sáng tạo.			X		X		X
PLO7. Tổ chức, quản lý các hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong nước và quốc tế			X	X	X		
PLO8. Tổ chức truyền đạt tri thức, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho người khác.				X		X	X
PLO9. Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.	X					X	X
PLO10. Đảm bảo tính chuyên nghiệp; có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nâng cao hiệu quả, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong môi trường nghề nghiệp trong nước và hội nhập quốc tế.				X	X	X	X
PLO11. Có khả năng nghiên cứu và đề xuất những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. Đóng góp vì sự tiến bộ của cộng đồng.			X		X		X

3.3. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

3.3.1. Cơ hội việc làm:

Người học tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng có thể đảm nhận các vị trí:

Chuyên viên, nhân viên, nhà quản lý trong các công ty, doanh nghiệp, các công ty truyền thông quảng cáo và Quan hệ công chúng,

Chuyên viên, nhân viên, nhà quản lý trong các cơ quan nhà nước;

Chuyên viên, phóng viên, nhà quản lý cho các trung tâm báo chí

Chuyên viên, giảng viên, nhà quản lý tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện kinh tế, các cơ quan nhà nước.

3.3.2. Cơ hội học tập

Tiếp tục học nâng cao, nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ của các trường đại học, học viện trong nước và quốc tế;

3.4. Tuyển sinh

3.4.1. Quy chế và chỉ tiêu tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 506/QĐ-UEF, ngày 01/09/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu dự kiến: 30 chỉ tiêu/năm (từ năm 2023 – 2025)

3.4.2. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4.3. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo của Trường;

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định điện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào:

Người dự tuyển đáp ứng yêu cầu quy định năng lực ngoại ngữ khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do UEF cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Người dự tuyển nếu không đáp ứng yêu cầu trên phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.4.4. Ngành phù hợp: là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ, được quy định cụ thể ở chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ; những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển.

Ngành phù hợp (ngành đào tạo ở trình độ đại học): Quan hệ công chúng.

Các ngành phải học bổ sung kiến thức, bao gồm:

- Các ngành có mã cấp II thuộc lĩnh vực Báo chí và truyền thông: Truyền thông đại chúng, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông quốc tế, Công nghệ truyền thông, Báo chí.

Chứng chỉ bổ sung kiến thức được cấp bởi Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường sẽ xem xét và quyết định các môn học mà thí sinh cần phải học bổ sung kiến thức để đáp ứng điều kiện dự tuyển. Dự kiến các môn cần phải học bổ sung kiến thức như sau:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
1	PUR1118	Viết hiệu quả (Effective Writing)	3
2	MKT1103	Quan hệ công chúng (Public Relations)	3
3	JOU1105	Báo in và báo điện tử (Print and Online Journalism)	3
4	JOU1103	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (Interview Techniques)	3
5	PUR1116	Mạng xã hội và truyền thông tương tác (Social Media and Interactive Communications)	3
6	COT1124	Kỹ thuật quay và dựng phim (Cinematography Techniques)	3

3.4.5. Đối tượng và chính sách ưu tiên: thực hiện theo Quy chế hiện hành.

3.4.6. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Nguyên tắc xét tuyển được dựa vào điểm trung bình tích lũy của bậc đại học từ cao xuống đến khi hết chỉ tiêu theo thang điểm hệ 4. Điểm nhận hồ sơ từ 2.1 trở lên đối với các ngành. Thí sinh chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do UEF tổ chức.

- Tổ chức tuyển sinh: 2 lần/ năm (Đợt 1: tháng 05, Đợt 2: tháng 11)

- Địa điểm tổ chức tuyển sinh: Trụ sở chính của UEF.

3.5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

3.5.1. Quy chế đào tạo

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày / /2023 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Quan hệ công chúng, trình độ thạc sĩ, hệ chính quy, khóa 2023.

3.5.2. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm: 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT (*cụ thể là Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ GDĐT v/v Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ*), Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành của UEF. CTĐT được thiết kế với thời gian đào

tạo là 2 năm (4 học kỳ), học viên có thể tạm dừng học, kéo dài thời gian học nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 4,0 năm (8 học kỳ) kể từ ngày nhập học chính thức. Các học kỳ được phép tạm dừng học (nếu có) đều được tính chung vào tổng thời gian đào tạo.

Với mục tiêu giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh và khởi nghiệp.

3.5.3. Học phần tốt nghiệp và Xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

3.5.3.1. Học phần tốt nghiệp:

Học viên phải thực hiện một học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án). Học viên thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 03 tháng. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

+ Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

+ Tuân thủ quy định của Trường về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp:

Học viên cao học được bảo vệ đề án khi có đủ các điều kiện dưới đây:

+ Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ trong thời hạn đào tạo tối đa cho phép.

+ Hoàn thành hồ sơ bảo vệ đề án, bao gồm các nội dung sau:

(i) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là đề án đạt các yêu cầu theo quy định;

(ii) Được sự đồng ý cho phép bảo vệ của người hướng dẫn;

(iii) Nộp đủ 5 cuốn đề án theo quy định;

(iv) Đã hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

(v) Đề án được người phản biện đồng ý cho phép bảo vệ. Trường hợp người phản biện không đồng ý cho học viên bảo vệ thì V. ĐTSĐH-KHCN họp Trường ngành, người hướng dẫn và phản biện để xem xét việc có cho phép học viên bảo vệ đề án hay không.

+ Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong đề án.

+ Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

3.5.3.2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ:

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

- + Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;
- + Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- + Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí và các yêu cầu của Trường về việc chỉnh sửa và nộp lưu chiểu đề án; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

Trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định đề án. Trường cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng ứng dụng.

3.6. Hệ thống tính điểm đánh giá học phần, đánh giá kết quả học tập

3.6.1. Học viên được đánh giá điểm học phần dựa trên 2 thành phần như sau

- Điểm quá trình có trọng số 30%, bao gồm: Điểm tham gia các hoạt động tại lớp hoặc ngoài lớp, điểm bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm.

- Điểm thi kết thúc học phần (điểm thi cuối kỳ) có trọng số 70%: Học viên phải tham gia thi cuối kỳ/làm bài tập lớn/ thực hiện sản phẩm/ tiểu luận cuối kỳ. Hình thức thi kết thúc học phần được quy định tại đề cương chi tiết học phần. Nếu học viên bỏ thi kết thúc học phần không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm F và phải học lại học phần đó.

- Các trường hợp đặc biệt khác với quy định trên sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi và chấm các điểm thành phần, riêng việc chấm thi kết thúc học phần thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần. Các điểm thành phần bao gồm điểm quá trình và điểm giữa kỳ phải được lưu giữ minh chứng tại đơn vị quản lý học phần. Các điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

3.6.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần theo thang điểm 10 được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ, tương ứng với thang điểm 4. Điểm học phần bao gồm:

Loại đạt, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	từ 8,5 đến 10	A	4,0
	từ 7,0 đến 8,4	B	3,0
	từ 5,5 đến 6,9	C	2,0

Một học phần được xem là đạt (được tích lũy) nếu điểm đánh giá học phần từ điểm C trở lên.

Loại không đạt:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Không đạt	từ 4,0 đến 5,4	D	1,0
	từ 0 đến 3,9	F	0

Thang điểm 4 là thang điểm đánh giá chính thức, được dùng để xử lý kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp cho học viên.

3.6.3. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của học viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà học viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà học viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học.
- Tổng số tín chỉ của những học phần mà học viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ.
- Điểm trung bình của những học phần mà học viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.
- Điểm trung bình học kỳ dùng để xử lý kết quả học tập (cảnh báo học tập, buộc thôi học).
- Điểm trung bình tích lũy được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học của học viên. Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học chỉ tính đối với các học phần theo chương trình đào tạo.

3.6.4. Công thức tính điểm trung bình

Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy được tính theo thang điểm 4 theo công thức sau và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy.

a_i là điểm của học phần thứ i.

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i.

n là tổng số học phần.

3.7. Khối lượng kiến thức và nội dung chương trình

3.7.1. Khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: **60** tín chỉ tích lũy.

TT	Thành phần	Số tín chỉ			Tỷ lệ %
		Bắt buộc	Tự chọn	Cộng	
1	Kiến thức chung	6	-	6	10,0
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	27	12	39	65,0
3	Kiến thức tốt nghiệp	15	-	15	25,0
	Cộng	48	12	60	100,0

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

4.1. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: 16 Giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng. Đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo giảng dạy 90% chương trình đào tạo.

Trong đó có 05 giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì đứng ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

- 01 Phó Giáo sư, Tiến sĩ Báo chí học
- 01 Phó Giáo sư, Tiến sĩ Văn học
- 03 Tiến sĩ Báo chí

(Bảng 1. Giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng kèm theo)

4.2. Nhà trường chuẩn bị đội ngũ giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đủ về số lượng và chất lượng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng.

(Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo kèm theo)

4.3. Đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo

Danh sách hướng nghiên cứu luận văn thạc sĩ và dự kiến người hướng dẫn kèm theo

4.4. Kết quả về nghiên cứu khoa học

UEF tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ của Trường; xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển khoa học công nghệ của Trường; quản lý hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ khoa học và thực hiện quản lý tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ của Trường.

Trong năm học 2021-2022, 100% cán bộ - nghiên cứu viên tham gia công tác nghiên cứu khoa học và đạt được các thành tích như sau:

20 bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín trong đó: 08 bài báo đăng tạp chí ISI Q1, 03 bài báo đăng tạp chí được đánh chỉ mục ISI Q2, 09 bài báo đăng tạp chí Scopus.

Xuất bản 01 sách chuyên khảo cấp quốc tế.

Các đề tài nghiên cứu khoa học của UEF, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ *(theo bảng 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của UEF, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ kèm theo)*

(bảng 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ trong thời gian 5 năm kèm theo)

5. Điều kiện về cơ sở vật chất

Về phòng học, giảng đường phục vụ đào tạo: Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho tất cả ngành, chuyên ngành đào tạo trong nhà trường, với tổng số phòng học, giảng đường gồm 290 phòng học, diện tích: 24.141,36 m²

Về phòng thí nghiệm, thực hành: Nhà trường phòng thí nghiệm và thực hành có đủ trang thiết bị cho sinh viên và học viên học tập và nghiên cứu với tổng diện tích 6.924,33 m²

Về Thư viện:

- Diện tích thư viện: 4.120,67 m²;

- Số chỗ ngồi: 1000;

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40 máy

Về mạng công nghệ thông tin: Toàn trường đã được nối mạng và xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như điều hành trường theo hệ thống

mạng LAN nội bộ. Hệ điều hành quản lý trên Internet với đường truyền băng cáp quang tốc độ cao nhằm đảm bảo việc truy cập, truyền các dữ liệu đi hoặc về nhanh trong tiện lợi cho việc giảng dạy và học tập (toàn khuôn viên trường hiện nay có hệ thống truy cập wifi miễn phí được mở 24/24).

Cụ thể chi tiết:

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phân/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	05	1.715,32	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	-	-			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	88	8.177,96	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	183	13.164,18	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	14	1.083,90	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	44	14.909,56	Dùng chung	2 kỳ/năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	04	4.120,67	Dùng chung	2 kỳ/năm	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	6.924,33	Dùng chung	2 kỳ/năm	

(Bảng 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ; Bảng 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ kèm theo)

- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 và Dspace
- Thư viện điện tử: 01; Số lượng sách, giáo trình điện tử: 27.082

Về thư viện, trung tâm học liệu: Nhà trường hiện có 04 thư viện và trung tâm học liệu với tổng diện tích 4.120,67 m². Tài liệu hiện nay được dùng phục vụ cho ngành Quan hệ công chúng là 1078 nhan đề/4208 bản, tài liệu điện tử là 2018. Thư viện còn được bố trí đầy đủ trang thiết bị hiện đại như hệ thống máy lạnh, đèn, bàn ghế,... hệ thống máy tính tra cứu tốc

độ cao, diện tích phù hợp, không gian thoáng đãng với sức chứa hơn 200 chỗ ngồi tạo môi trường, điều kiện học tập tốt nhất cho người học. Hiện nay, Thư viện sử dụng 02 phần mềm trong hoạt động của mình: Phần mềm Libol 6.0: Cung cấp thông tin thư mục tài liệu dạng giấy có tại thư viện và Phần mềm mã nguồn mở DSpace: Cung cấp thông tin thư mục và toàn văn các bộ sưu tập tài liệu điện tử do thư viện số hóa và sưu tập từ các nguồn khác nhau như tài liệu, bài giảng, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, luận văn, luận án và các báo cáo tốt nghiệp của ngành Quan hệ công chúng và các ngành liên quan, là nguồn tham khảo phong phú trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường. Thư viện có ban hành Nội quy Thư viện quy định thời gian mở cửa cũng như các quyền lợi và trách nhiệm của người sử dụng Thư viện. Ngoài những tài liệu từ nguồn mua, Thư viện cũng nhận được số lượng đáng kể các tài liệu từ nguồn các nguồn tài trợ khác nhau như Quỹ Châu Á,... Tài liệu học tập ngành Quan hệ công chúng là một trong những nội dung luôn được ưu tiên khi Thư viện tiếp nhận các nguồn tài trợ, điều này giúp cho nguồn lực tài liệu ngành Quan hệ công chúng tại Thư viện luôn đa dạng và mang tính cập nhật cao. Bên cạnh đó, Thư viện cũng đã có những thỏa thuận về dùng chung cơ sở dữ liệu với các Thư viện khác có cùng chuyên ngành đào tạo Quan hệ công chúng với các cơ sở dữ liệu như Proquest, Springerlink là điều kiện rất thuận lợi cho quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên ngành Quan hệ công chúng; Thư viện là thành viên của Liên chi hội Thư viện đại học phía Nam, có những liên kết nguồn học liệu với các trường thành viên; Tham gia vào hệ thống liên kết nguồn lực thông tin KHCN của Sở Khoa học và Công nghệ (Stinet.gov.vn) với nhiều dữ liệu từ hơn 30 trường đại học hiện nay có cùng chuyên ngành đào tạo Quan hệ công chúng, những tài liệu Quan hệ công chúng được cập nhật, điều này giúp sinh viên có thêm nhiều kênh tham khảo tài liệu, dữ liệu thực tế, đảm bảo quá trình học tập và nghiên cứu tại trường. *(Bảng 7: Thư viện kèm theo)*

6. Điều kiện về đảm bảo chất lượng, kết quả kiểm định

Trường đáp ứng điều kiện về bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định để tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng theo khoản 3 Điều 33 của Luật giáo dục đại học.

Trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo Quyết định số 02/QĐ-TTKĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục (Chu kỳ 2) Theo Quyết định số 218/QĐ-TTKĐ, 11/12/2023 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (CEA VNU-HCM).

Ngành Quan hệ công chúng trình độ đại học đã được kiểm định chương trình đào tạo theo Quyết định số 439/QĐ-KĐCLV ngày 24 tháng 4 năm 2022 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh.

7. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Định hướng trở thành một trường đại học Việt Nam có vị thế về chất lượng được quốc tế công nhận, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang không ngừng thúc đẩy, kết nối các đối tác quốc tế ở khắp các châu lục trên thế giới. Hợp tác quốc tế đã góp phần tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật của Trường. Thông qua hợp tác quốc tế, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học được tăng cường rõ rệt. Hàng năm cán bộ và giảng viên của Trường được cử đi tham dự các hội nghị khoa học và đào tạo ở nước ngoài. Số lượng cán bộ và giảng viên quốc tế đến giảng dạy và học tập tại Trường ngày càng tăng. Trung bình mỗi năm Trường tiếp đón khoảng 15 lượt giảng viên và chuyên gia quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu, học tập và trao đổi. Kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học góp phần không nhỏ vào quá trình thiết lập vị thế của Trường trên bản đồ các cơ sở giáo dục và nghiên cứu khoa học quốc tế. Trong 5 năm gần đây trung bình mỗi năm có nhiều hợp đồng hợp tác quốc tế được ký mới và triển khai

8. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý

Khoa Quan hệ công chúng và truyền thông là đơn vị quản lý các hoạt động chuyên môn đối với ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ

8.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngành Quan hệ công chúng và Truyền thông được hình thành tại UEF từ năm 2016, khi Khoa Quan hệ quốc tế và Truyền thông thành lập. Năm 2017, Khoa được đổi tên thành Khoa Truyền thông và Công nghệ thông tin. Sau một năm đồng hành cùng Công nghệ thông tin, Khoa được tách riêng và chính thức trở thành Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông nhằm phù hợp với các hoạt động học thuật cụ thể của Khoa theo tầm nhìn, sứ mệnh và sự đa dạng trong các lĩnh vực đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đề ra.

Về mục tiêu đào tạo, Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông tại UEF đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quan hệ công chúng, Công nghệ truyền thông và Quảng cáo. Sinh viên Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông được học tập và rèn luyện trong môi trường chuẩn quốc tế với cơ sở vật chất hiện đại, tiện nghi: hệ thống phòng học được trang bị wifi, máy lạnh, các thiết bị nghe nhìn; phòng thực hành tin học, ngoại ngữ ứng dụng công nghệ tiên tiến; thư viện gồm hàng nghìn đầu sách, trong đó có nhiều tài liệu của nước ngoài được cập nhật mới nhất; trung tâm văn - thể - mỹ theo chuẩn quốc tế; khu tự học – nghỉ ngơi – giải trí đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên,

Chương trình học, được thiết kế tinh gọn, tập trung tối đa vào các môn chuyên ngành nhằm phát huy tư duy sáng tạo và ứng dụng của người học. Song song đó, qua các hoạt động ngoại khóa, đưa sinh viên học tập thực tế, tham quan, kiến tập tại doanh nghiệp giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Đặc biệt, tại UEF, sinh viên được khuyến khích đăng ký học vượt, rút ngắn thời gian đào tạo; hoặc học thêm ngành, tham gia song song các chương trình nghề nghiệp khác trong suốt quá trình học.

Đội ngũ giảng viên của Khoa được chú ý phát triển kết hợp giữa công tác nghiên cứu và hoạt động doanh nghiệp, có kinh nghiệm lâu năm trong nghề, cùng với sự chọn lọc lực lượng

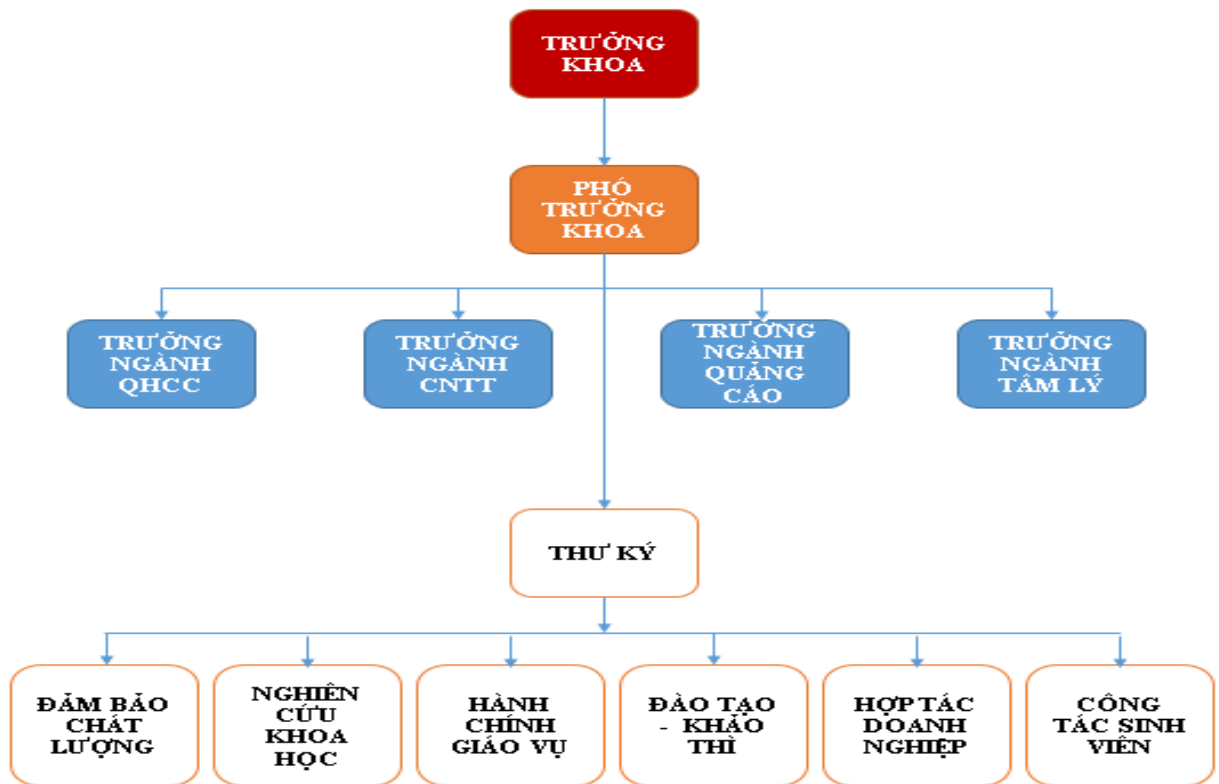
giảng viên trẻ, nhiệt huyết, được đào tạo từ nước ngoài. Bên cạnh đó, Khoa mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực quan hệ công chúng và truyền thông tham gia giảng dạy; giúp sinh viên học hỏi được tình huống, cách thức xử lý công việc thực tế. Sau khi được trang bị các kiến thức chuyên ngành và kỹ năng cần thiết, sinh viên sẽ được hỗ trợ thực tập tại các đơn vị uy tín như: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Thanh niên, Cát Tiên Sa, Đông Tây Promotion, Ogilvy, Isobar, ...

Khoa Quan hệ Công chúng và Truyền thông hoàn thành công tác tự đánh giá và được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đại học ngành Quan hệ công chúng theo quyết định 439/QĐ-KĐCLV ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Vinh.

Đồng thời, lễ ký kết MOU với hàng chục đối tác trong lĩnh vực quan hệ công chúng và truyền thông năm 2022 đã đánh dấu thêm một bước tiến lớn trong công tác đào tạo gắn kết doanh nghiệp của Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông.

8.2. Cơ cấu tổ chức Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông

Bộ máy tổ chức của Khoa Quan hệ công chúng và truyền thông gồm có: 01 Trưởng khoa; 02 Phó Trưởng khoa, 04 Trưởng ngành, 70 giảng viên cơ hữu và tổ thư ký.



Sơ đồ tổ chức Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông

9. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa và quản lý rủi ro

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến khó lường, bất kỳ thời điểm nào đại dịch cũng có thể bùng phát. Nắm bắt trước tình hình đó, Nhà trường đã đầu tư, trang bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng chuyên đổi số: phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến, các nền tảng hỗ trợ giảng dạy trực tuyến và bài giảng số, đảm bảo có thể đáp ứng các yêu cầu

giảng dạy của giảng viên và hoạt động của sinh viên thông qua hình thức trực tuyến. Vì vậy, Nhà trường luôn sẵn sàng để chuyển đổi từ hình thức đào tạo trực tiếp sang hình thức kết hợp giữa trực tiếp với hình thức trực tuyến, đúng với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học là cơ sở đào tạo tự thực, đây cũng là điểm hạn chế của Trường so với các cơ sở đào tạo công lập. Tuy nhiên, điểm mạnh của Nhà trường là thuộc Tập đoàn Đầu tư Phát triển Giáo dục Hutech, một trong những tập đoàn đầu tư phát triển giáo dục hàng đầu của Việt Nam. Với lợi thế này, Nhà trường luôn được đầu tư mạnh mẽ về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cũng như có năng lực tuyển dụng được đội ngũ giảng viên có trình độ cao để tham gia giảng dạy. Vì vậy, Trường luôn có khả năng đáp ứng các điều kiện về tổ chức đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo, ngay cả khi số lượng sinh viên tăng đột biến. Ngoài ra, sinh viên tham gia học tại Trường được thừa hưởng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, có cơ hội để phát huy tối đa khả năng trong học tập và nghiên cứu.

Trong trường hợp, số lượng người học chưa biết nhiều về Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh do Trường là một trong những Trường Đại học mới nổi, dẫn đến số lượng tuyển sinh khối ngành kinh tế có thể bị hạn chế ở khóa tuyển sinh đầu tiên. Giải pháp của Nhà trường sẽ là tiếp tục tăng cường truyền thông tới xã hội. Ngoài ra, song song với việc đào tạo người học, Trường cũng có kế hoạch và lộ trình để xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp đối tác để đáp ứng đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế - xã hội. Với lợi thế này, chắc chắn Nhà trường sẽ đạt được mục tiêu trong hoạt động tuyển sinh và đào tạo.

Với vị thế và năng lực của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, công tác tổ chức đào tạo nói chung và đào tạo ngành Quan hệ công chúng nói riêng là hoàn toàn trong tầm kiểm soát về mặt chuyên môn, cơ sở vật chất cũng như đáp ứng được các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo, thậm chí có thể tiêu chuẩn khu vực, quốc tế. Tuy nhiên, nếu rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo thì phương án của Nhà trường là: (1) Sử dụng đội ngũ giảng viên lĩnh vực Quan hệ công chúng để phục vụ đào tạo các ngành khác thuộc khối sức khỏe như ngành Marketing, Truyền thông đa phương tiện ... (2) Tiếp tục đào tạo sinh viên đã trúng tuyển đến khi tốt nghiệp và dừng tuyển sinh từ khóa tiếp theo, đồng thời thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Đề nghị và cam kết thực hiện

Căn cứ vào năng lực của Nhà trường, căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực đào tạo ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội, phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển Nhà trường Với mong muốn đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao ngành Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ có năng lực chuyên môn, có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu nền kinh tế mở hiện nay, được thị trường lao động và xã hội chấp nhận, góp phần cung cấp nguồn lao động chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo Quan hệ công chúng, trình độ thạc sĩ.

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có đủ năng lực đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo. Quy trình quản lý và tổ chức đào tạo của Nhà trường tuân thủ đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật Nhà nước. Hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quan hệ công chúng của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT - BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Với những điều kiện thực tế đó, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh gửi hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ tới Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường.

Sau khi Đề án được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua và có kết luận, Hiệu trưởng sẽ Quyết định cho phép mở ngành đào tạo Quan hệ công chúng trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cam kết triển khai thực hiện và đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đào tạo như đã trình bày trong Đề án. Ngoài ra, Nhà trường sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và không ngừng đầu tư cơ sở vật chất hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hợp tác với nhiều doanh nghiệp uy tín trong nước và quốc tế, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Kính trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng trong năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐKH&ĐT UEF (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để b/cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để thông báo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Giang